

Số: 78/2021/QĐST-DS

Hoàng Hóa, ngày 22 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Bùi Thị X, sinh năm 1947

Địa chỉ: SN 23, phố L, phường H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị X: Bà Nguyễn Thị Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: SN 19, ngõ 410 Q, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn:

- Ông Bùi Khắc Ch, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Khắc Ch: Bà Nguyễn Thu H và ông Đoàn Bá Ng - Luật sư thuộc Công ty Luật G – Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Bùi Đức Tr, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957
- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

(Chị Nguyễn Thị Th ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị T ủy quyền cho anh Bùi Đức Tr).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về di sản thừa kế của cụ ông Bùi Khắc A và cụ bà Nguyễn Thị Kh để lại gồm có:

* **Di sản hiện do anh Bùi Đức Tr quản lý:** Quyền sử dụng diện tích đất 527,7m² (gồm 520m² đất ở và 7,7m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013; Tương ứng thửa đất số 244, tờ bản đồ số 02-1, Bản đồ 299/TTg xã L lập năm 1988; Tương ứng thửa đất số 113, tờ bản đồ số 07, Bản đồ địa chính xã L lập năm 1996; có địa chỉ tại Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, trị giá: **628.827.900đ** (Sáu trăm hai tám triệu tám trăm hai bảy nghìn chín trăm đồng).

* **Di sản hiện do ông Bùi Khắc Ch quản lý:** Quyền sử dụng diện tích 527,2m² (gồm 480m² đất ở và 48,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 151 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013; Tương ứng thửa đất số 245, tờ bản đồ số 02-1, Bản đồ 299/TTg xã L lập năm 1988; Tương ứng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 07, Bản đồ địa chính xã L lập năm 1996; có địa chỉ tại Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, trị giá **907.754.400đ** (Chín trăm linh bảy triệu bảy trăm năm tư nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị di sản: 1.536.582.300đ (Một tỷ năm trăm ba sáu triệu năm trăm tám hai nghìn ba trăm đồng).

b. Về người thừa kế:

Cụ Bùi Khắc A và cụ Nguyễn Thị Kh có 05 người con gồm: Bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H, ông Bùi Khắc Ch, ông Bùi Khắc Th (đã chết có vợ là bà Nguyễn Thị L và có hai con là Bùi Đức Tr, Bùi Thị T), bà Bùi Thị S (đã chết và có 02 con là Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Ng). Cụ A, cụ Kh chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế chưa chia di sản thừa kế của các cụ để lại.

c. Về việc phân chia di sản thừa kế:

Bà Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị T nhường toàn bộ phần di sản mình được hưởng lại cho anh Bùi Đức Tr.

Chị Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Ng nhường cho ông Bùi Khắc Ch phần di sản thừa kế được hưởng trên phần di sản ông Ch đang quản lý, và nhường lại cho anh Bùi Đức Tr phần di sản thừa kế được hưởng trên phần di sản anh Tr đang quản lý.

Bà Hoàng Thị H giao lại toàn bộ phần công sức giữ gìn, tôn tạo di sản bà được hưởng cho chồng là ông Bùi Khắc Ch.

Các đương sự thống nhất:

*** Trích công sức giữ gìn, tôn tạo di sản:**

- **Đối với phần di sản anh Tr đang quản lý (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013):** Các đương sự thống nhất:

Trích diện tích đất là $77,7\text{m}^2$ (gồm 70m^2 đất ở và $7,7\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm), trị giá **88.827.900đ** (Tám tám triệu tám trăm hai bảy nghìn chín trăm đồng) giao cho anh Tr dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên, anh Tr được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần di sản này.

Trích công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho anh Tr là $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại = $450\text{m}^2/2 = 225\text{m}^2 \times 1.200.000\text{đ}/\text{m}^2 = \mathbf{270.000.000\text{đ}}$ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- **Đối với phần di sản ông Ch đang quản lý (thửa đất số 151 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013):** Các đương sự thống nhất:

Trích công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho ông Ch = 307.754.400đ (Ba trăm linh bảy triệu bảy trăm năm tư nghìn bốn trăm đồng), chia bằng đất cho ông Ch.

Giá trị di sản còn lại là:

- Di sản do anh Tr quản lý: $628.827.900\text{đ} - (88.827.900\text{đ} + 270.000.000\text{đ}) = 270.000.000\text{đ}$ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Di sản do ông Ch quản lý: $907.754.400\text{đ} - 307.754.400\text{đ} = 600.000.000\text{đ}$ (Sáu trăm triệu đồng).

Tổng cộng: **870.000.000đ** (Tám trăm bảy mươi triệu đồng).

*** Về giá tổng giá trị di sản mỗi người được hưởng:**

- Bà Bùi Thị X và bà Bùi Thị H, mỗi người được hưởng thừa kế bằng một kỷ phần thừa kế là: $870.000.000\text{đ} : 5 = \mathbf{174.000.000\text{đ}}$ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Phần di sản chị Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn Thị Ng được hưởng lại từ mẹ là bà Bùi Thị S bằng một kỷ phần thừa kế là **174.000.000đ** (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Chị Th và chị Ng nhường lại cho anh Bùi Đức Tr giá trị di sản được thừa kế trên phần di sản anh Tr quản lý là: $270.000.000\text{đ} : 5 = \mathbf{54.000.000\text{đ}}$; Nhường lại cho ông Bùi Khắc Ch giá trị di sản được thừa kế trên phần di sản ông Ch quản lý là: $600.000.000\text{đ} : 5 = \mathbf{120.000.000\text{đ}}$.

- Anh Bùi Đức Tr được hưởng thừa kế: $174.000.000\text{đ} + 54.000.000\text{đ}$ (phần của chị Th và chị Ng) = **228.000.000đ** (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Tổng giá trị di sản anh Tr được hưởng là $88.827.900\text{đ} + 270.000.000\text{đ} + 228.000.000\text{đ} = \mathbf{586.827.900\text{đ}}$ (Năm trăm tám sáu triệu tám trăm hai bảy nghìn chín trăm đồng).

- Ông Bùi Khắc Ch được hưởng thừa kế: $174.000.000\text{đ} + 120.000.000\text{đ}$ (phần của chị Th và chị Ng) = **294.000.000đ** (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Tổng giá trị di sản ông Ch được hưởng là $307.754.400\text{đ} + 294.000.000\text{đ} = \mathbf{601.754.400\text{đ}}$ (Sáu trăm linh một triệu bảy trăm năm tư nghìn bốn trăm đồng).

*** Các đương sự thống nhất phân chia di sản cụ thể như sau:**

- **Chia cho anh Bùi Đức Tr:** Quyền sử dụng toàn bộ diện tích $527,7m^2$ (gồm $520m^2$ đất ở và $7,7m^2$ đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 178 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013, trị giá: **628.827.900đ**. Có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa ông Bùi Khắc Ch quản lý (thửa 151), dài 12,29m; giáp đất nhà ông Nguyễn Danh Q, dài 18,05m; giáp ngõ đi dài 4,01m;

+ Phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Đức D, dài 2,56m; giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Ng dài 7,74m + 8,60m; Giáp đất nhà ông Bùi Khắc Ph dài 9,01m; giáp đất nhà ông Bùi Khắc L (đoạn gấp khúc), dài 1,36m + 1,71m + 2,21m;

+ Phía Nam giáp đất nhà bà Đinh Thị X, dài 10,07m + 1,85m.

+ Phía Bắc giáp đất nhà bà Bùi Thị L, dài 3,61m + 11,70m.

(Trên đất có nhà và tài sản khác gắn liền với đất do gia đình anh Tr xây dựng).

Anh Tr phải có trách nhiệm trả phần chênh lệch cho các đồng thừa kế khác với số tiền là: $628.827.900đ - 586.827.900đ = 42.000.000đ$ (Bốn hai triệu đồng).

- **Chia cho bà Bùi Thị H:** Quyền sử dụng diện tích đất ở tại nông thôn là $91,0m^2$, trị giá **163.800.000đ**, tại thửa đất số 151 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013. Có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường ĐH-HH.26, dài 4,31m;

+ Phía Tây giáp thửa đất anh Bùi Đức Tr được chia (thửa 178), dài 4,29m;

+ Phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Danh Q, dài 20,76m;

+ Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị X, dài 22,10m.

Bà Bùi Thị H được nhận lại từ anh Bùi Đức Tr số tiền chênh lệch di sản thừa kế được hưởng là $174.000.000đ - 163.800.000đ = 10.200.000đ$ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

- **Chia cho bà Bùi Thị X:** Quyền sử dụng diện tích đất ở tại nông thôn là $91,0m^2$, trị giá **163.800.000đ**, tại thửa đất số 151 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013. Có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường ĐH-HH.26, dài 4,06m;

+ Phía Tây giáp thửa đất anh Bùi Đức Tr được chia (thửa 178), dài 4,05m;

+ Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Bùi Thị H, dài 22,10m;

+ Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Bùi Khắc Ch, dài 23,37m.

Bà Bùi Thị X được nhận lại từ anh Bùi Đức Tr số tiền chênh lệch di sản thừa kế được hưởng là $174.000.000đ - 163.800.000đ = 10.200.000đ$ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

- **Chia cho ông Bùi Khắc Ch:** Quyền sử dụng diện tích đất là $345,2m^2$ (đất ở nông thôn là $298,0m^2$; đất trồng cây lâu năm là $47,2m^2$) là phần còn lại của thửa đất số 151 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính xã L lập năm 2013, trị giá **580.154.400đ**. Có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường ĐH-HH.26, dài 9,70m; đoạn cua góc Đông Bắc dài 1,60m + 2,09m + 1,73m;

+ Phía Tây giáp thửa đất anh Bùi Đức Tr được chia (thửa 178), dài 3,95m; giáp đất nhà bà Bùi Thị L dài 0,67m + 8,94m;

+ Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Bùi Thị X, dài 23,37m;

+ Phía Bắc giáp đường thôn T, dài 5,83m + 12,17m + 5,47m.

(Trên đất có ngôi nhà hai tầng và công trình phụ do gia đình ông Ch xây dựng).

Ông Bùi Khắc Ch được nhận lại từ anh Bùi Đức Tr số tiền chênh lệch di sản thừa kế được hưởng là $601.754.400đ - 580.154.400đ = 21.600.000đ$ (Hai một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc anh Tr và ông Ch đã giao nhận đầy đủ số tiền chênh lệch là 21.600.000đ.

(Việc phân chia di sản thừa kế có sơ đồ kèm theo là một phần không thể thiếu của Quyết định)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

d. Về án phí: Các đương sự: Bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H, ông Bùi Khắc Ch thuộc đối tượng hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên phần di sản được hưởng.

Anh Bùi Đức Tr phải **chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản thừa kế mình được hưởng là 13.736.558đ (Mười ba triệu bảy trăm ba sáu nghìn năm trăm năm tám đồng).**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân